

Số: ~~2780~~2780/SYT-TTKN
V/v điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ
(đợt 39)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị khám, chữa bệnh

Sở Y tế ban hành các Quyết định: Số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 427/QĐ-SYT ngày 02/4/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc) thuộc Dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 189/QĐ-SYT ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Y tế ban hành các Công văn: Số 2459/SYT-NVD ngày 22/11/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017 – 2019; số 2562/SYT-NVD ngày 05/12/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị trúng thầu năm 2017 – 2019; số 703/SYT-NVD ngày 03/4/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trúng thầu năm 2017-2019; số 322/SYT-TTKN ngày 19/02/2019 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc); số 36a/SYT-NVD ngày 09/01/2018; số 542/SYT-NVD ngày 20/3/2018; số 789/SYT-NVD ngày 11/4/2018; số 918/SYT-NVD ngày 20/4/2018; số 1093/SYT-TTKN ngày 14/5/2018; số 1184/SYT-TTKN ngày 21/5/2018; số 1292/SYT-TTKN ngày 31/5/2018; số 1390/SYT-TTKN ngày 12/6/2018; số 1524/SYT-TTKN ngày 22/6/2018; số 1722/SYT-TTKN ngày 11/7/2018, số 1825/SYT-TTKN ngày 23/7/2018; số 1994/SYT-TTKN ngày 09/8/2018; số 2165/SYT-TTKN ngày 30/8/2018; số 2259/SYT-TTKN ngày 12/9/2018; số 2448/SYT-TTKN ngày 05/10/2018; số 2482/SYT-TTKN ngày 10/10/2018; số 2628/SYT-TTKN ngày 24/10/2018; số 2691/SYT-TTKN ngày 02/11/2018; số

2841/SYT-TTKN ngày 16/11/2018; số 2999/SYT-TTKN ngày 03/12/2018; số 3156/SYT-TTKN ngày 21/12/2018; số 70/SYT-TTKN ngày 08/01/2019; số 166/SYT-TTKN ngày 21/01/2019; số 249/SYT-TTKN ngày 11/02/2019; số 674/SYT-TTKN ngày 25/03/2019; số 732/SYT-TTKN ngày 28/3/2019; số 849/SYT-TTKN ngày 09/4/2019; số 947/SYT-TTKN ngày 22/4/2019; số 1037/SYT-TTKN ngày 04/5/2019; số 1161/SYT-TTKN ngày 13/5/2019; số 1365/SYT-TTKN ngày 31/5/2019; số 1574/SYT-TTKN ngày 18/6/2019; số 1794/SYT-TTKN ngày 09/7/2019; số 1921/SYT-TTKN ngày 22/7/2019; số 2081/SYT-TTKN ngày 07/8/2019; số 2226/SYT-TTKN ngày 21/8/2019; số 2268/SYT-TTKN ngày 26/8/2019; số 2423/SYT-TTLN ngày 11/9/2019 về việc điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ từ đợt 1 đến đợt 38.

Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế nhận được đề nghị của các đơn vị về việc xin điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ. Sau khi xem xét, Sở Y tế điều chỉnh số lượng đã được phân bổ của các đơn vị theo đề nghị (*danh mục chi tiết đính kèm*).

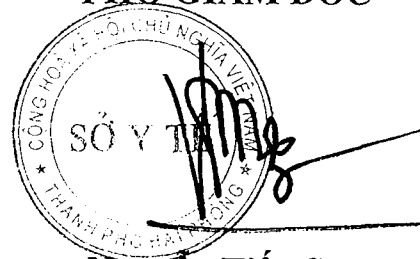
Các đơn vị căn cứ danh mục điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ để tiến hành mua thuốc và thanh toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GD SYT (để báo cáo);
- PGĐ Nguyễn Tiến Sơn;
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Sơn

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019



Ghi chú: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Thực hiện theo Công văn số 210 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Đôn Lương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1568	Mezapid	Rebamipid	100mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36	VD-26149-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.394,00	HP104	12.100		2.500	Cát Hải	14.600



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1162	SaVi Irbesartan 150	Irbesartan	150mg	Hộp 3 vi x 10 viên, Viên nén dài bao phim, Uống	36 tháng	VD-14403-11	SaViPharm - Việt Nam	Viên	Nhóm 2	1300,00	HP036	2.000		200	ĐHY	2.200

(Chữ ký)

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0196	Colchicin	Colchicin	1mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-22172-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	5	240,00	HP022	6.600		4.000	TTYT Kiến An	10.600
2	G0260	Dimedrol	Diphenhydramin HCL	10mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-20839-14	Dopharma - Việt Nam	Ống	3	506,00	HP035	37.500	20.000		Việt Tiệp	17.500
3	G0700	Zidocin DHG	Spiramycin + metronidazol	750.0001 U + 125mg	hộp 2 vi x 10 v/20 viên nén bao phim; uống	36 tháng	VD-21559-14	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG Việt Nam	viên	3	720,00	HP007	92.000		3.000	YHHQ	95.000
4	G1200	REPACE H	Losartan Potassium + Hydrochlorothiazide	50mg +12.5mg	Hộp 10 vi x 10 viên-Viên nén bao phim-Uống	24 tháng	VN-13389-11	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India	Viên	5	750,00	Hp033	91.000		22.000	TTYT Kiến An	113.000
5	G1203	Domepa 250mg	Methyldopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESC O - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	32.000		6.000	YHHQ	38.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2079,00	HP104	211.000		22.000	ĐHY	233.000
7	G1640	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Hộp 20 gói x 5g, bột pha uống	24	VD-25582-16	Danapha - Việt Nam	gói	3	462,00	HP053	17.700		700	Hải An	18.400
8	G1805	Crondia 30MR	Gliclazid	30mg	Hộp 1 vỉ x 30 viên nén giải phóng có kiểm soát, Uống	36 tháng	VD-18281-13	Hataphar - Việt Nam	Viên	Nhóm 4	420,00	HP036	1.624.000		160.000	YHB	1.784.000
9	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1200,00	HP014	1.650.000		118.000	YHB	1.768.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0743	Biviflox	Moxifloxacin	400mg/250ml	Hộp 1 lọ 250ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-19017-13	CTCPDPTW 1- Pharbaco - Việt Nam	Lọ	3	257.000,00	HP145	50		50	Kiến An	100
2	G1034	BFS-Tranexamic 500mg/10ml	Tranexamic acid	50mg/ml - 10ml	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 10ml, dung dịch, Tiêm	36	VD-24750-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt	Ống	3	14.000,00	HP017	0		2.500	Việt Tiệp	2.500

HẢI PHÒNG

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1238	Ramizes 5	Ramipril	5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	24 tháng	VN-17355-13	Farmak JSC, Ukraine	Viên	Nhóm 2	3.680,00	HP036	130.000	20.000		Hồng Bàng	110.000

Handwritten mark

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2180~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0646	Metronidazo 1	Metronidazo 1	250mg	Hộp 50 vi x10 viên nén, uống	36 tháng	VD-15659-11	Vinphaco-Việt Nam	Viên	3	92,00	HP145	38.900	1.000		Trẻ Em	37.900
2	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vi x20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2.000,00	HP014	50.000		50.000	Lê Chân	100.000
3	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vi x20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.200,00	HP014	450.000		50.000	Lê Chân	500.000

NGHĨ
Ế
HÔNG

24

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0500	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon *	2g	Hộp 05 lọ bột đông khô pha tiêm; Tiêm	24 tháng	VN-20733-17	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Lọ	1	110000	HP121	0		5.000	Việt Tiệp	5.000
2	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1 ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	3	1.450,00	HP145	9.300		6.700	Việt Tiệp	16.000
3	G1615	Drotusc Forte	Drotaverin HCL	80mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, uống	36	VD-24789-16	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	4	1.050,00	HP104	0		10.000	TTYT Kiến An	10.000
4	G2000	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	60	VN-19162-15	Gedeon Richter - Hungary	Viên	1	607,00	HP037	20.000		5.000	ĐHY	25.000
5	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vỉ. Vỉ 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	1.400		200	YHHQ	1.600

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

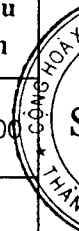
Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0448	Cephalexin PMP 500	Cefalexin	500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng- Uống	36 tháng	VD-23828-15	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	2	1.399,65	HP057	900.000	100.000		Tiên Lãng	800.000
2	G0455	Alpathin	Cefalothin	1g	Hộp 1 lọ, Thuốc bột pha tiêm/tiêm	24 tháng	VN-20487-17	Alpa Laboratories Limited, Ấn Độ	Lọ	5	63.800,00	HP059	70.000	10.000		Kiến An	60.000
3	G0550	CKDCeftizoxime inj.1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000,00	HP069	105.000		10.000	Việt Tiệp	115.000
4	G1192	Lanzaar 50	Losartan Kali	50mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VN-18229-14	Berlin Pharmaceutical Industry Co., Ltd. - Thái Lan	Viên	2	1.000,00	HP122	200.000	50.000		Tiên Lãng	150.000
5	G1491	Mezathion	Spironolacton	25 mg	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén, Uống	36 tháng	VD-25178-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	5	818,00	HP104	9.000		1.000	TTYT Kiến An	10.000
6	G1530	OCID	Omeprazole	20mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên-Viên nang cứng- Uống	36 tháng	VN-10166-10	Cadila Healthcare Ltd.-India	Viên	2	330,00	Hp033	150.000	15.000		Tiên Lãng	135.000
7	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vỉ x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2.000,00	HP014	540.000	26.000		Hồng Bàng	514.000



STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
8	G1885	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Hộp 05 vỉ x 20 viên nén, uống	24	VD-21846-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	294,00	HP104	0		20.000	Việt Tiệp	20.000
9	G1890	Basethyrox	Propylthiouracil (PTU)	100mg	Hộp 01 lọ x 100 viên nén, uống	24	VD-21287-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	735,00	HP104	0		20.000	Việt Tiệp	20.000
10	G1896	Mezamazol	Thiamazol	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, Uống	24	VD-21298-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	882,00	HP104	0		20.000	Việt Tiệp	20.000
11	G1921	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium Bromide 10mg/ml	10mg/ml	Hộp 10 lọ 5ml, Dung dịch tiêm, Truyền tĩnh mạch	36 tháng	VN-18303-14	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Lọ	1	64.000,00	HP119	0		100	Việt Tiệp	100
12	G2121	Esomez	Acetylcystein	200mg	Hộp 20 gói x 1g thuốc bột, Gói bột, Uống	24 tháng	VD-15904-11	DOMESCO - Việt Nam	Gói	3	362,00	HP074	300.000	50.000		Tiên Lãng	250.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0700	Zidocin DHG	Spiramycin + metronidazol	750.000IU + 125mg	hộp 2 vi x10 v/20 viên nén bao phim; uống	36 tháng	VD-21559-14	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG Việt Nam	viên	3	720,00	HP007	158.000	3.000		Thủy Nguyên	155.000
2	G1203	Domepa 250mg	Methyl dopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	245.500	6.000 + 5.0000		Thủy Nguyên + Tiên Lãng	189.500
3	G1413	Piracetam-Egis	Piracetam	400mg	Hộp 1 lọ 60 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-16481-13	Egis (CV: 8665/QLD-ĐK ngày	Viên	1	1.490,00	HP107	289.000	17.000		Hồng Bàng	272.000
4	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxeutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vi x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2.980,00	HP074	66.500	5.000		Hồng Bàng	61.500
5	G1988	OXYTOCIN	Oxytocin	5IU/1ml	Hộp 100 ống 1 ml, Dung dịch tiêm, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-20167-16	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	3.255,00	HP014	1.250	165		Hồng Bàng	1.085
6	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	7.100	200		Phụ Sãn	6.900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2780**/SYT-TTKN ngày **10** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0550	CKDCeftizoxime inj. 1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000,00	HP069	109.000		11.000	Trẻ Em	120.000
2	G0644	Metronidazol Kabi	Metronidazol	500mg/100ml	Hộp 48 chai nhựa 100ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-26377-17	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	9.450,00	HP145	3.000	1.200		An Dương	1.800
3	G1123	Kavasdin 5	Amlodipin	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	4	82,00	HP022	500.000	100.000		Tiền Lãng	400.000
4	G1524	Mezagastro	Nizatidin	150mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	36	VD-24771-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.499,00	HP104	55.000		8.000	ĐHY	63.000
5	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	25.000		2.500	Lê Chân	27.500
6	G1764	Methylsolon 16	Methylprednisolon	16mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-22238-15	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM - Việt Nam	Viên	3	683,00	HP041	43.000	3.000		An Dương	40.000

Handwritten mark

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hải An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0802	Aciclovir 400mg	Aciclovir	400mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nang mềm, Uống	36 tháng	VD-24375-16	Công ty CP Dược VITYT Hải Dương - Việt Nam	Viên	3	2.200,00	HP065	100.000	2.000		An Dương	98.000
2	G1094	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Hộp 6 vi x 10 viên nén, uống	24	VD-25180-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.940,00	HP104	71.000		11.000	Cát Hải	82.000
3	G1640	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Hộp 20 gói x 5g, bột pha uống	24	VD-25582-16	Danapha - Việt Nam	gói	3	462,00	HP053	19.300	700		Thủy Nguyên	18.600

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0260	Dimedrol	Diphenhydr amin HCL	10mg/ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-20839-14	Dopharna - Việt Nam	Ống	3	506,00	HP035	199.000		20.000	Thủy Nguyên	219.000
2	G0500	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon *	2g	Hộp 05 lọ bột đông khô pha tiêm; Tiêm	24 tháng	VN-20733-17	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Lọ	1	110.000,00	HP121	180.000	5.000		Phụ Sản	175.000
3	G0550	CKDCeftizoxime inj.1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000,00	HP069	50.000	10.000		Vĩnh Bảo	40.000
4	G1028	Vinphyton	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 1 ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-16307-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	3	1.450,00	HP145	29.700	6.700		Phụ sản	23.000
5	G1034	BFS-Tranexamic 500mg/10ml	Tranexamic acid	50mg/ml - 10ml	Hộp 4 vi x 5 ống x 10ml, dung dịch, Tiêm	36	VD-24750-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	14.000,00	HP017	18.000	2.500		Lao	15.500

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicylic	100mg	Hộp 3 vi * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD-20058-13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450,00	HP072	245.000		80.000	Quốc tế	325.000
7	G1630	Companity	Lactulose	67% - 5g/7,5ml	Hộp 20 ống x 7,5ml, Dung dịch uống, Uống	24	VD-25146-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	3.300,00	HP017	24.000		10.000	TTYT Kiến An	34.000
8	G1833	Mixtard® 30 FlexPen® 100 IU/ml	Insulin người, rDNA (30% Insulin hòa tan và 70% Insulin isophan)	100 IU/ml	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	30 tháng	QLSP-927-16	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	1	153.999,00	HP122	14.000		1.500 + 700	YHB + Ngô Quyền	16.200
9	G1885	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Hộp 05 vi x 20 viên nén, uống	24	VD-21846-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	294,00	HP104	92.000	20.000		Vĩnh Bảo	72.000
10	G1890	Basethyrox	Propylthiouracil (PTU)	100mg	Hộp 01 lọ x 100 viên nén, uống	24	VD-21287-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	735,00	HP104	100.000	20.000		Vĩnh Bảo	80.000
11	G1896	Mezamazol	Thiamazol	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, Uống	24	VD-21298-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	882,00	HP104	100.000	20.000		Vĩnh Bảo	80.000
12	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	10.000		3.000	Kiến An	13.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
13	G1921	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium Bromide 10mg/ml	10mg/ml	Hộp 10 lọ 5ml, Dung dịch tiêm, Truyền tĩnh mạch	36 tháng	VN-18303-14	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Lọ	1	64.000,00	HP119	15.000	100		Vĩnh Bảo	14.900
14	G1924	Suxamethonium Chloride	Suxamethonium clorid	100mg/2 ml	Hộp 1 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	24	VN-16040-12	Rotex - Đức	Ống	1	15.750,00	HP037	12.000	10		Ngô Quyền	11.990
15	G2140	Pomatat	Magnesi Aspartat + Kali Aspartat	140mg + 158mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-22155-15	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.050,00	HP104	200.000		80.000	Quốc tế	280.000
16	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1 ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	20.000		3.000	Kiến An	23.000
17	G2206	Smoflipid 20%	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	20%, 250ml	Chai 250ml, Nhũ tương truyền tĩnh mạch, Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Chai	1	166.950,00	HP119	1.985		700	Kiến An	2.685

Handwritten mark

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
13	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	10.000		3.000	Kiến An	13.000
14	G1921	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Rocuronium Bromide 10mg/ml	10mg/ml	Hộp 10 lọ 5ml, Dung dịch tiêm, Truyền tĩnh mạch	36 tháng	VN-18303-14	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Lọ	1	64.000,00	HP119	15.000	100		Vinh Bảo	14.900
15	G1924	Suxamethonium Chloride	Suxamethonium clorid	100mg/2ml	Hộp 1 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	24	VN-16040-12	Rotex - Đức	Ống	1	15.750,00	HP037	12.000	10		Ngô Quyền	11.990
16	G2140	Pomatat	Magnesi Aspartat + Kali Aspartat	140mg + 158mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-22155-15	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.050,00	HP104	200.000		80.000	Quốc tế	280.000
17	G2165	BFS-Calciclorid	Calci clorid	100mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	20.000		3.000	Kiến An	23.000
18	G2206	Smoflipid 20%	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	20%, 250ml	Chai 250ml, Nhũ tương truyền tĩnh mạch, Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Chai	1	166.950,00	HP119	1.985		700	Kiến An	2.685

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1094	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên nén, uống	24	VD-25180-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.940,00	HP104	50.000		30.000	YHB	80.000
2	G1122	AMLODIPI N 5mg	Amlodipin 5mg	5mg	Hộp 3 vỉ 10 v.nang. Viên uống	36	VD-12402-10	VIDIPHA, VN	Viên	4	174,30	Hp039	150.000		15.000	YHB	165.000
3	G1162	SaVi Irbesartan 150	Irbesartan	150mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén dài bao phim, Uống	36 tháng	VD-14403-11	SaViPharm - Việt Nam	Viên	Nhóm 2	1.300,00	HP036	50.000	200		YHCT	49.800
4	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	74.000	22.000		Thủy Nguyên	52.000
5	G1524	Mezagastro	Nizatidin	150mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	36	VD-24771-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.499,00	HP104	145.000	8.000		An Lão	137.000
6	G2000	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	60	VN-19162-15	Gedeon Richter - Hungary	Viên	1	607,00	HP037	50.000	5.000		Phụ Sản	45.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0043	SEAOFLUR A	Sevofluran	250ml	Hộp 1 chai 250ml, Dung dịch gây mê đường hô hấp	60 tháng	VN-17775-14	Piramal Critica Care, Inc. USA	Chai	1	1.825.000,00	HP014	10		10	Ngô Quyền	20
2	G0615	Gentamicin 80mg	Gentamicin	80mg/2ml	Hộp 50 ống x 2ml dung dịch tiêm	24	VD-19094-13	Thephaco-Việt Nam	Ống	3	1.140,00	HP054	2.400		500	Hồng Bàng	2.900
3	G0644	Metronidazol Kabi	Metronidazol	500mg/100ml	Hộp 48 chai nhựa 100ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-26377-17	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	9.450,00	HP145	5.120		1.200	An Lão	6.320
4	G0802	Aciclovir 400mg	Aciclovir	400mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, viên nang mềm, Uống	36 tháng	VD-24375-16	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương - Việt Nam	Viên	3	2.200,00	HP065	10.000		2.000	Hải An	12.000
5	G1100	VasHasan MR	Trimetazidin dihydrochlorid	35mg	3 vỉ x 30 viên, viên nén bao phim tác dụng kéo dài, uống	36	VD-23333-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	4	441,00	HP111	284.000		30.000	TTYT Kiến An	314.000



VIỆT NAM

[Handwritten mark]

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1764	Methylsolon 16	Methylprednisolon	16mg	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-22238-15	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM - Việt Nam	Viên	3	683,00	HP041	7.000		3.000	An Lão	10.000
7	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	0		30	Ngô Quyền	30

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế Kiến An

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0196	Colchicin	Colchicin	1mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-22172-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	5	240,00	HP022	15.400	4.000		Thủy Nguyên	11.400
2	G1100	VasHasan MR	Trimetazidin dihydrochlorid	35mg	3 vi x 30 viên, viên nén bao phim tác dụng kéo dài, uống	36	VD-23333-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	4	441,00	HP111	180.000	30.000 + 19.500		An Dương + Tiên Lãng	130.500
3	G1200	REPACÉ H	Losartan Potassium + Hydrochlorothiazide	50mg +12.5mg	Hộp 10 vi x 10 viên-Viên nén bao phim-Uống	24 tháng	VN-13389-11	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India	Viên	5	750,00	Hp033	134.000	22.000		Thủy Nguyên	112.000
4	G1491	Mezathion	Spiroinolacton	25 mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén, Uống	36	VD-25178-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	5	818,00	HP104	25.000	1.000		Vĩnh Bảo	24.000
5	G1531	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	21.000	10.000		Tiên Lãng	11.000
6	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/ 5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	24.000	5.000		Tiên Lãng	19.000

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1615	Drotusc Forte	Drotaverin HCL	80mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	36	VD-24789-16	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	4	1.050,00	HP104	80.000	10.000		Phụ Sản	70.000
8	G1630	Companity	Lactulose	67% - 5g/7,5ml	Hộp 20 ống x 7,5ml, Dung dịch uống, Uống	24	VD-25146-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	3.300,00	HP017	54.000	10.000		Việt Tiệp	44.000
9	G1769	Menison 4mg	Methyl prednisolon	4mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén - Uống	36 tháng	VD-23842-15	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	4	898,80	HP057	136.000	10.000		Tiên Lãng	126.000
10	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD-23976-15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	385.000	26.000		Công An	359.000

Handwritten mark

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện Cát Hải

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1094	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên nén, uống	24	VD-25180-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.940,00	HP104	69.000	11.000		Hải An	58.000
2	G1568	Mezapid	Rebamipid	100mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	36	VD-26149-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.394,00	HP104	57.900	2.500		Đơn Lương	55.400

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2780** /SYT-TTKN ngày **10** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0069	Diclofenac	Diclofenac natri	50mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-25528-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	78	HP022	0		2.000	Ngô Quyền	2.000
2	G0448	Cephalexin PMP 500	Cefalexin	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang cứng- Uống	36 tháng	VD-23828-15	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	2	1.400	HP057	206.000		100.000	Vĩnh Bảo	306.000
3	G0550	CKDCeftizoxime inj.1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000	HP069	99.360		5.000	Ngô Quyền	104.360
4	G1100	VasHasan MR	Trimetazidin dihydrochlorid	35mg	3 vi x 30 viên, viên nén bao phim tác dụng kéo dài, uống	36	VD-23333-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	4	441	HP111	256.499		19.500	TTYT Kiến An	275.999
5	G1123	Kavasdin 5	Amlodipin	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-20761-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	4	82	HP022	276.391		100.000	An Lão	376.391
6	G1144	Captopril Stada 25mg	Captopril	25mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-27519-17	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	450	HP019	0		30.000	Ngô Quyền	30.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1192	Lanzaar 50	Losartan Kali	50mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VN-18229-14	Berlin Pharmaceutic al Industry Co., Ltd. - Thái Lan	Viên	2	1.000	HP122	0		50.000	Vĩnh Bảo	50.000
8	G1193	Losartan	Losartan kali	50mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-22912-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	235	HP022	278.776		50.000	Ngô Quyền	328.776
9	G1201	Dopegyt	Methyl dopa	250mg	Hộp/10 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	60 tháng	VN-13124-11	Egis - Hungary	Viên	1	1.619	HP045	542.973		50.000	Hồng Bàng	592.973
10	G1203	Domepa 250mg	Methyl dopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610	HP074	206.000		50.000	YHHQ	256.000
11	G1409	Piracetam	Piracetam	1200mg	Hộp 2 vi x 10 viên Viên nén bao phim Uống	36 tháng	VD-18178-13	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	3	800	HP118	98.478		30.000	Ngô Quyền	128.478
12	G1530	OCID	Omeprazole	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên-Viên nang cứng-Uống	36 tháng	VN-10166-10	Cadila Healthcare Ltd.-India	Viên	2	330	Hp033	30.000		15.000	Vĩnh Bảo	45.000
13	G1531	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133	HP022	30.000		10.000	TTYT Kiến An	40.000
14	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/ 5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500	HP052	20.600		5000 + 5000	Hồng Bàng + TTYT Kiến An	30.600

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
15	G1769	Menison 4mg	Methyl prednisolon	4mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén - Uống	36 tháng	VD-23842-15	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	4	899	HP057	176.295		10.000	TTYT Kiến An	186.295
16	G2106	Novahexin 5ml	Bromhexin (hydroclorid)	4mg/5ml	Hộp 30 ống x 5ml; Dung dịch uống; Uống.	36 tháng	VD-19931-13	Cty CP DP Phương Đông - Việt Nam	ống	3	2.982	HP139	136.643		80.000	TTYT Dương Kinh	216.643
17	G2117	Vincystin	Acetylcystein	100mg	Hộp 25 gói x 1,5g bột thuốc, uống	24 tháng	VD-18411-13	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Gói	3	436	HP047	97.372		16.000 + 16.000	Ngô Quyền + Hồng Bàng	129.372
18	G2119	Dismolan	N-acetylcystein	20mg/1ml - 10ml	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 10ml, Dung dịch, Uống	24	VD-21505-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	3.675	HP017	91.052		15.000	Ngô Quyền	106.052
19	G2121	Esomez	Acetylcystein	200mg	Hộp 20 gói x 1g thuốc bột, Gói bột, Uống	24 tháng	VD-15904-11	DOMESCO - Việt Nam	Gói	3	362	HP074	20.291		50.000	Vĩnh Bảo	70.291

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2780**/SYT-TTKN ngày **10** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Quốc tế

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicylic	100mg	Hộp 3 vi * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD-20058-13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450,00	HP072	360.500	80.000		Việt Tiệp	280.500
2	G1531	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	150.000	400		Trẻ Em	149.600
3	G2140	Pomatat	Magnesi Aspartat + Kali Aspartat	140mg + 158mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-22155-15	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.050,00	HP104	360.000	80.000		Việt Tiệp	280.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Công An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD-23976-15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	42.000		26.000	TTYT Kiến An	68.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0252	Cinnarizin	Cinnarizin	25mg	Hộp 04 vỉ x 50 viên nén, uống	36 tháng	VD-16686-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	46,00	HP022	12.000		2.000	YHB	14.000
2	G0330	Gardenal 10mg	Phenobarbital	10mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén, uống	36	VD-13895-11	Pharbaco - Việt Nam	Viên	3	137,00	HP037	30.000		8.000	Trẻ Em	38.000
3	G0455	Alpathin	Cefalothin	1g	Hộp 1 lọ, Thuốc bột pha tiêm/tiêm	24 tháng	VN-20487-17	Alpa Laboratories Limited, Ấn Độ	Lọ	5	63.800,00	HP059	28.000		10.000	Vĩnh Bảo	38.000
4	G0743	Biviflox	Moxifloxacin	400mg/250ml	Hộp 1 lọ 250ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-19017-13	CTCPDPT W1-Pharbaco - Việt Nam	Lọ	3	257.000,00	HP145	5.950	50		Lao	5.900
5	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin methylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	12.000	3.000		Việt Tiệp	9.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G2165	BFS- Calciclorid	Calci clorid	100mg/1 ml - 5ml	Hộp 10 vi. Vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24	VD-22023-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	1.008,00	HP037	11.400	3.000		Việt Tiệp	8.400
7	G2206	Smoflipid 20%	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	20%, 250ml	Chai 250ml, Nhũ tương truyền tĩnh mạch, Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH-Áo	Chai	1	166.950,00	HP119	780	700		Việt Tiệp	80

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

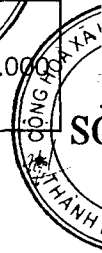
Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Dương Kinh

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G2106	Novahexin 5ml	Bromhexin (hydroclorid)	4mg/5ml	Hộp 30 ống x 5ml; Dung dịch uống; Uống.	36 tháng	VD-19931-13	Cty CP DP Phương Đông - Việt Nam	ống	3	2.982,00	HP139	240.000	80.000		Tiên Lãng	160.000



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ Em

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0330	Gardenal 10mg	Phenobarbital	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên, viên nén, uống	36	VD-13895-11	Pharbacov - Việt Nam	Viên	3	137,00	HP037	520.000	8.000		Kiến An	512.000
2	G0550	CKDCeftizoxime inj. 1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000,00	HP069	51.000	11.000		An Lão	40.000
3	G0646	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Hộp 50 vi x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-15659-11	Vinphaco-Việt Nam	Viên	3	92,00	HP145	6.100		1.000	Kiến Thụy	7.100
4	G1531	Kagastine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	3.500		400	Quốc tế	3.900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780/SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0615	Gentamicin 80mg	Gentamicin	80mg/2 ml	Hộp 50 ống x 2ml dung dịch tiêm	24	VD-19094-13	Thephaco-Việt Nam	Ống	3	1.140,00	HP054	10.000	500		An Dương	9.500
2	G1201	Dopegyt	Methyldopa	250mg	Hộp/10 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	60 tháng	VN-13124-11	Egis - Hungary	Viên	1	1.619,00	HP045	150.000	50.000		Tiên Lãng	100.000
3	G1206	Egilok	Metoprolol tartrate	50mg	Hộp 01 lọ 60 viên; Viên nén; uống	24 tháng	VN-18891-15	Egis - Hungary	Viên	1	3.255,00	HP108	48.000	500		Ngô Quyền	47.500
4	G1238	Ramizes 5	Ramipril	5mg	Hộp 3 vi x 10 viên, Viên nén, Uống	24 tháng	VN-17355-13	Farmak JSC, Ukraine	Viên	Nhóm 2	3.680,00	HP036	72.000		20.000	BBVSK	92.000
5	G1413	Piracetam -Egis	Piracetam	400mg	Hộp 1 lọ 60 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-16481-13	Egis (CV: 8665/QLD-ĐK, ngày 27/5/2014, V/v: Thay đổi địa chỉ nhà sản xuất), Hungary	Viên	1	1.490,00	HP107	50.000		17.000	YHHQ	67.000
6	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/ 5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11.500,00	HP052	16.500	5.000		Tiên Lãng	11.500

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxerutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vi x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2.980,00	HP074	12.000		5.000	YHHQ	17.000
8	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vi x20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2.000,00	HP014	180.000		26.000	Vĩnh Bảo	206.000
9	G1988	OXYTOC IN	Oxytocin	5IU/1ml	Hộp 100 ống 1 ml, Dung dịch tiêm, Tiêm/truyền	36 tháng	VN-20167-16	Gedeon Richter Plc. Hungary	Ống	1	3.255,00	HP014	1.150		165	YHHQ	1.315
10	G2117	Vincystin	Acetylcystein	100mg	Hộp 25 gói x 1,5g bột thuốc, uống	24 tháng	VD-18411-13	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Gói	3	436,00	HP047	36.000	16.000		Tiên Lãng	20.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2780~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0043	SEAOFLURARA	Sevofluran	250ml	Hộp 1 chai 250ml, Dung dịch gây mê đường hô hấp	60 tháng	VN-17775-14	Piramal Critica Care, Inc. USA	Chai	1	1.825.000,00	HP014	65	10		An Dương	55
2	G0069	Diclofenac	Diclofenac natri	50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-25528-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	78,00	HP022	50.000	2.000		Tiên Lãng	48.000
3	G0550	CKDCeftizoxime inj.1g	Ceftizoxim	1g	Hộp 10 lọ 1g bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-19574-16	Chong Kun Dang Pharmaceutical Corp.- Korea	Lọ	Nhóm 2	39.000,00	HP069	75.000	5.000		Tiên Lãng	70.000
4	G1144	Captopril Stada 25mg	Captopril	25mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-27519-17	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	450,00	HP019	150.000	30.000		Tiên Lãng	120.000
5	G1193	Losartan	Losartan kali	50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-22912-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	235,00	HP022	100.000	50.000		Tiên Lãng	50.000
6	G1206	Egilok	Metoprolol tartrate	50mg	Hộp 01 lọ 60 viên; Viên nén; uống	24 tháng	VN-18891-15	Egis - Hungary	Viên	1	3.255,00	HP108	0		500	Hồng Bàng	500

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1409	Piracetam	Piracetam	1200mg	Hộp 2 vi x 10 viên Viên nén bao phim Uống	36 tháng	VD-18178-13	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	3	800,00	HP118	100.000	30.000		Tiên Lãng	70.000
8	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxerutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vi x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2.980,00	HP074	60.000		4.200	Lê Chân	64.200
9	G1833	Mixtard® 30 FlexPen® 100 IU/ml	Insulin người, rDNA (30% Insulin hòa tan và 70% Insulin isophan)	100 IU/ml	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	30 tháng	QLSP-927-16	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	1	153.999,00	HP122	2.500	700		Việt Tiệp	1.800
10	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	250	30		An Dương	220
11	G1924	Suxamethonium Chloride	Suxamethonium clorid	100mg/2ml	Hộp 1 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	24	VN-16040-12	Rotex - Đức	Ống	1	15.750,00	HP037	25		10	Việt Tiệp	35
12	G2117	Vincystin	Acetylcystein	100mg	Hộp 25 gói x 1,5g bột thuốc, uống	24 tháng	VD-18411-13	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	Gói	3	436,00	HP047	75.000	16.000		Tiên Lãng	59.000
13	G2119	Dismolan	N-acetylcystein	20mg/1ml - 10ml	Hộp 4 vi x 5 ống x 10ml, Dung dịch, Uống	24	VD-21505-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	3.675,00	HP017	200.000	15.000		Tiên Lãng	185.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2120 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Biển

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0252	Cinnarizin	Cinnarizin	25mg	Hộp 04 vi x 50 viên nén, uống	36 tháng	VD-16686-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	46,00	HP022	200.000	2.000		Kiến An	198.000
2	G1094	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Hộp 6 vi x 10 viên nén, uống	24	VD-25180-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.940,00	HP104	100.000	30.000		ĐHY	70.000
3	G1122	AMLODIPI N 5mg	Amlodipin 5mg	5mg	Hộp 3 vi 10 v.nang. Viên uống	36	VD-12402-10	VIDIPHA, VN	Viên	4	174,30	Hp039	223.000	15.000		ĐHY	208.000
4	G1805	Crondia 30MR	Gliclazid	30mg	Hộp 1 vi x 30 viên nén giải phóng có kiểm soát, Uống	36 tháng	VD-18281-13	Hataphar - Việt Nam	Viên	Nhóm 4	420,00	HP036	836.000	160.000		Thủy Nguyên	676.000
5	G1833	Mixtard® 30 FlexPen® 100 IU/ml	Insulin người, rDNA (30% Insulin hòa tan và 70% Insulin isophan)	100 IU/ml	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	30 tháng	QLSP-927-16	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	1	153.999,00	HP122	2.000	1.500		Việt Tiệp	500
6	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.200,00	HP014	118.000	118.000		Thủy Nguyên	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế quận Lê Chân

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1574	Atileucine inj	Acetyl leucine	500mg/5ml	Tiêm, Dung dịch tiêm. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.	24 tháng	VD-25645-16	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Ống	3	11500	HP052	30.000	2.500		An Lão	27.500
2	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxerutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vi x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2980	HP074	45.000	4.200		Ngô Quyền	40.800
3	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2000	HP014	150.000	50.000		Kiến Thụy	100.000
4	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1200	HP014	250.000	50.000		Kiến Thụy	200.000

Handwritten mark

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1243	Ringer lactate	Ringer lactat	500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-22591-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	10.500,00	GB07	0		1.200	An Lão	1.200

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1243	Ringer lactate	Ringer lactat	500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-22591-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2	10.500,00	GB07	90.000	1.200		Phụ Sản	88.800

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando l nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	10.000	7.000		Vĩnh Bảo	3.000



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando l nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796- 16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uông I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	0		7.000	Ngô Quyền	7.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando 1 nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	0		3.000	Lê Chân	3.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Lê Chân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando I nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	3.000	3.000		Thùy Nguyên	0

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2180~~ /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0627	Medphatobra 80	Tobramycin	80mg/2ml	Hộp 10 ống x 2ml, dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36	VN-19091-15	Medphano Arzneimittel GmbH, Đức	Ông	1	49.500,00	GB51	3.000		1.000	Hồng Bàng	4.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2480 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0627	Medphatobra 80	Tobramycin	80mg/2ml	Hộp 10 ống x 2ml, dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36	VN-19091-15	Medphano Arzneimittel GmbH, Đức	Ổng	1	49.500,00	GB51	30.000	1.000		An Dương	29.000

(Chữ ký)

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD239	NO-SPA 40mg/2ml	Drotaverin e hydrochloride	40mg/2ml	Hộp 25 ống 2ml, Dung dịch tiêm, tiêm (IM & IV)	60 tháng	VN-14353-11	Chinoi Pharmaceutical & Chemical Works Private Co.,Ltd.-Hungary	Ống	5.306,00	KN08	29.000		3.000	YHHQ	32.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019**Gói thầu:** Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)**Thuộc dự án:** Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng*(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)***Tên đơn vị: Viện Y Học Hải Quân**

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD239	NO-SPA 40mg/2ml	Drotaverine hydrochloride	40mg/ 2ml	Hộp 25 ống 2ml, Dung dịch tiêm, tiêm (IM & IV)	60 tháng	VN-14353-11	Chinoi Pharmaceutica I & Chemical Works Private Co.,Ltd.- Hungary	Ông	5.306,00	KN08	16.000	3.000		Phụ Sản	13.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD174	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol tartrate	25mg	Hộp 1 vỉ x 14 viên, Viên nén phóng thích kéo dài, Uống	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Viên	4.620,00	KN08	10.000		600	Việt Tiệp	10.600

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD174	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol tartrate	25mg	Hộp 1 vỉ x 14 viên, Viên nén phóng thích kéo dài, Uống	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Viên	4.620,00	KN08	150.000	600		Ngô Quyền	149.400
2	BD265	APIDRA Solostar	Insulin glulisine	100 đơn vị/ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm, Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn, tiêm	24 tháng	QLSP-915-16	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH-Đức	Bút	200.000,00	KN08	2.000		200	Thùy Nguyên	2.200
3	BD267	Novorapid ®FlexPen ®	Insulin aspart	100U/ml	Hộp 05 bút tiêm nạp sẵn 3.0ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	30 tháng	QLSP-0674-13	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	225.000,00	KN09	1.000		200	Thùy Nguyên	1.200
4	BD268	NovoMix® 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) hỗn dịch chứa insulin aspart hòa tan/insulin kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ml	Hộp chứa 5 bút tiêm x 3ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-0793-14	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	227.850,00	KN09	15.000		1.000	Thùy Nguyên	16.000
5	BD272	LANTUS Solostar	Insulin glargine	300UI/3ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm, Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn, tiêm	36 tháng	QLSP-857-15	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH-Đức	Bút	277.000,00	KN08	2.700		200	Thùy Nguyên	2.900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD265	APIDRA Solostar	Insulin glulisine	100 đơn vị/ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm, Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn, tiêm	24 tháng	QLSP-915-16	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH- Đức	Bút	200.000,00	KN08	6.000	200		Việt Tiệp	5.800
2	BD267	Novorapid @FlexPen®	Insulin aspart	100U/ml	Hộp 05 bút tiêm nạp sẵn 3.0ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	30 tháng	QLSP-0674-13	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	225.000,00	KN09	900	200		Việt Tiệp	700
3	BD268	NovoMix® 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) hỗn dịch chứa insulin aspart hòa tan/insulin kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ml	Hộp chứa 5 bút tiêm x 3ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP-0793-14	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Bút	227.850,00	KN09	15.000	1.000		Việt Tiệp	14.000
4	BD272	LANTUS Solostar	Insulin glargine	300UI/3ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm, Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn, tiêm	36 tháng	QLSP-857-15	Sanofi - Aventis Deutschland GmbH- Đức	Bút	277.000,00	KN08	19.300	200		Việt Tiệp	19.100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2180 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT078	Frentine	Mã tiền chế Thương truat Hương phụ tứ chế Mộc hương Địa liền Quế chi.	50mg 20mg 13mg 8mg 6mg 3mg	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên, Uống, viên	36 tháng	VD-25306-16	Công ty CP Dược Phẩm TW3, Việt Nam	Viên	1.800,00	ĐY18	106.500		22.000	YHHQ	128.500

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2780 /SYT-TTKN ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT078	Frentine	Mã tiền chế Thương truat Hương phụ tứ chế Mộc hương Địa liền Quế chi.	50mg 20mg 13mg 8mg 6mg 3mg	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên, Uống, viên nang cứng	36 tháng	VD-25306-16	Công ty CP Dược Phẩm TW3, Việt Nam	Viên	1.800,00	ĐY18	243.500	22.000		Thủy Nguyên	221.500

VIỆT NAM

[Handwritten signature]